TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 16 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: đường L.V.B, khu phố A, phường T.K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972;
- Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: đường L.V.B, khu phố A, phường T.K, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thùy T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01/2003, do UBND Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2003 không còn giá trị pháp lý – 01 (một) bản chính đã bị thất lạc).

2.2 Về con chung: các đương sự 02 (hai) người con chung, họ và tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/2005 (nam) và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16/12/2013 (nam).

Các đương sự thỏa thuận, sau khi ly hôn giao trẻ Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/2005 (nam) và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16/12/2013 (nam) cho bà Nguyễn Thị Thùy T là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông Sáng cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông Nguyễn Văn S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thùy T đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4 Về nợ chunsg: các đương sự khai không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2017/0025014 ngày 10/01/2018 của chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. HCM. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thanh

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND phường 10, Quận 4, Tp. HCM;
- Lưu: VT, HS.(Hòa)